TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **116**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2024
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều My.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên,
2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Bà Kiều Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lan P, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đào Trường D, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Hẻm A Y (nối dài), phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Lan P trình bày: Bà Trần Thị Lan P và ông Đào Trường D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03 tháng 8 năm 2022.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn bà Trần Thị Lan P và ông Đào Trường D chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, thường xuyên xảy ra cãi vả nhau. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà Trần Thị Lan P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Trần Thị Lan P được ly hôn với ông Đào Trường D.

Về con chung: Bà Trần Thị Lan P và ông Đào Trường D không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Lan P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đào Trường D đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Trần Thị Lan P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lan P được ly hôn với ông Đào Trường D.

Về con chung: Bà Trần Thị Lan P và ông Đào Trường D không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Lan P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đào Trường D, đây là vụ án về "Tranh chấp về ly hôn"; bị đơn ông Đào T Du cư trú tại hẻm A Y (nối dài), phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Lan P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đào Trường D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lan P và ông Đào Trường D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/8/2022 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà Trần Thị Lan P trình bày, trong thời gian chung sống bà P và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà P và ông D không hiểu nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sứt mẽ, thường xuyên xảy ra cãi vả nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Lan P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông Đào Trường D.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, nơi bà P và ông D chung sống. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: Trong thời gian bà P và ông D chung sống với nhau tại địa phương thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Hiện nay bà P và ông D đã sống ly thân nhau. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Lan P và ông Đào Trường D được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống với nhau thì vợ chồng bà Trần Thị Lan P và ông Đào Trường D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện nay đã sống ly thân, đã thể hiện mâu thuẫn giữa bà P và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Lan P.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Lan P và ông Đào Trường D không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Lan P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Trần Thị Lan P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định, bị đơn ông Đào Trường D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lan P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lan P được ly hôn với ông Đào Trường D.

Về con chung: Bà Trần Thị Lan P và ông Đào Trường D không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Lan P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Lan P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Lan P đã nộp (do ông Huỳnh Ngọc T1 nộp thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0009815 ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ Sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kiều My